

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KINH TẾ VIỆT NAM

TẠ THỊ ĐOÀN

**CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH GÓP PHẦN THỰC HIỆN
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Kinh tế Chính trị XHCN
Mã số : 5.02.01

TÓM TẮT
LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, 2007

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

Công trình được hoàn thành tại:

Viện Kinh tế Việt Nam - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS. TSKH Tào Hữu Phùng

2. TS Nguyễn Hữu Đạt

Phản biện 1: GS. TS Chu Văn Cấp

Phản biện 2: GS. TS Nguyễn Công Nghiệp

Phản biện 3: GS. TS Mai Ngọc Cường

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước

Họp tại: *Viện Kinh tế Việt Nam - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam*

Vào hồi 9 giờ 00 ngày 21 tháng 4 năm 2007

Có thể tìm hiểu thông tin luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Hà Nội.

- Thư viện Viện Kinh tế Việt Nam - Viện KHXH Việt Nam.

1. Tạ Thị Đoàn, *Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*. Tạp chí Giáo dục Lý luận, (5) 2005, tr.43- 46.
2. Tạ Thị Đoàn, *Tác động của chính sách thuế đối với sự phát triển kinh tế trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế ở Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, 4 (33) 2006, tr.49 -53.

LỜI MỞ ĐẦU

I. Sự cần thiết và ý nghĩa khoa học của đề tài:

Nước ta đang trong quá trình CNH, HĐH. Về mặt kinh tế, vấn đề then chốt của quá trình CNH, HĐH là vấn đề tích lũy, làm tăng lên các nguồn vốn tài chính và sử dụng hiệu quả các phần vốn đã được tạo ra. Có thể nói, chính sách tài chính giữ một vị trí đặc biệt quan trọng của quá trình CNH, quá trình phát triển kinh tế. Trong điều kiện phát triển hiện đại, nguồn lực tài chính và chính sách tài chính càng trở nên hệ trọng trong việc thực hiện một quá trình CNH định hướng hiện đại, rút ngắn.

Đổi mới kinh tế của Việt Nam là đổi mới mô hình phát triển, chuyển từ mô hình kế hoạch hoá tập trung phi thị trường sang mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN với sự "mở cửa", hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Sự chuyển đổi này đã làm thay đổi căn bản nguồn lực tài chính và chính sách tài chính. Sự thành công của đổi mới kinh tế trong những năm vừa qua đã tạo ra một mức tăng trưởng khá cao mang tính cân bằng, một trạng thái kinh tế khá ổn định và một kết quả xóa đói giảm nghèo khá tốt có nguồn gốc trong sự đổi mới nguồn lực tài chính và chính sách tài chính.

Như vậy, để phát triển nền kinh tế theo xu hướng hiện đại, rút ngắn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế thì tất yếu không thể thiếu được là sự hiện hữu của chính sách tài chính quốc gia - bộ phận quan trọng của chính sách kinh tế vĩ mô. Nó là tổng thể các chính sách và giải pháp về tài chính - tiền tệ trong việc khai thác, động viên, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, khi quá trình đổi mới đã diễn ra gần 2 thập kỷ, quá trình CNH, HĐH đang được đẩy mạnh và nền kinh tế đang tiến sâu vào quá trình hội nhập, vào tiến trình phát triển hiện đại của thế giới, thì câu hỏi được đặt ra là: để đáp ứng được yêu cầu của quá trình CNH, HĐH trong sự hội nhập kinh tế quốc tế cần một chính sách tài chính như thế nào? Trả lời câu hỏi này thì cần thiết phải dựa trên cơ sở phân tích tác động của chính sách tài chính đối với sự nghiệp CNH, HĐH trong thời kỳ vừa qua. Xem xét và phân tích bối cảnh đang diễn ra sự phát triển để làm rõ tính quy luật của sự phát triển mới trong điều kiện hiện nay, từ đó hình thành nên những cơ sở khoa học cho việc điều chỉnh chính sách tài chính.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách tài chính nhằm thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước trong giai đoạn hiện nay trở nên cần thiết. Do đó, tác giả chọn đề tài: **"Chính sách tài chính góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam"** làm đề tài Luận án Tiến sĩ của mình.

II. Tình hình nghiên cứu đề tài:

Với vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chính sách tài chính là đối tượng nghiên cứu rộng rãi của các quốc gia trên thế giới cả về góc độ lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu về lĩnh vực này của C. Mác, V.I. Lênin, J.Keynes, Paul Samuelson... cũng như những kinh nghiệm thực tiễn thu được trong quá trình điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế ở các quốc gia đã làm phong phú thêm kho tàng kiến thức của nhân loại về lĩnh vực kinh tế vĩ mô phức tạp và lý thú này.

Ở Việt Nam, trong những năm qua đã có những công trình nghiên cứu về chính sách tài chính. Nhưng vì mục đích, yêu cầu khác nhau, nhìn chung những đề tài đó chủ yếu nghiên cứu giải quyết khía cạnh nghiệp vụ của chính sách tài chính (như chính sách Thuế, Lãi suất, Bảo hiểm, NSNN đối với xây dựng kết cấu hạ tầng của địa phương, phát triển nông nghiệp, nông thôn...), chưa có công trình nào nghiên cứu chính sách tài chính với tính chất là công cụ quản lý vĩ mô góp phần phục vụ quá trình thực hiện CNH, HĐH đất nước.

Việc xây dựng cơ sở khoa học cho sự đổi mới chính sách tài chính nhằm thúc đẩy việc thực hiện CNH, HĐH trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đang được coi là vấn đề trọng yếu hiện nay ở Việt Nam. Đây chính là vấn đề mà tác giả lựa chọn làm đề tài của luận án tiến sĩ.

III. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

Làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về CNH, HĐH và vai trò của chính sách tài chính đối với sự nghiệp CNH, HĐH; tiêu chí đánh giá hiệu quả tác động của chính sách tài chính đối với CNH, HĐH; phân tích tác động của chính sách tài chính phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH thời gian qua (từ 1990 đến nay - *nhất là giai đoạn 2001- 2005*). Đưa ra những quan điểm định hướng và những giải pháp đổi mới, hoàn thiện chính sách tài chính nhằm thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, phục vụ cho mục tiêu: tăng trưởng kinh tế, công bằng và hiệu quả trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

IV. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

Chính sách tài chính quốc gia có phạm vi rộng (ngoài vấn đề NSNN còn bao gồm: chính sách động viên tài chính, tài chính doanh nghiệp, tài chính dân cư, thị trường tài chính, tín dụng Nhà nước, tỷ giá, chính sách tiền tệ, v.v.), trong đó NSNN là khâu có vị trí đặc biệt quan trọng trong cấu thành hệ thống tài chính quốc gia. Do đó, tác giả chỉ giới hạn đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án vào một bộ phận quan trọng của chính sách tài chính quốc gia là: *Chính sách ngân sách nhà nước (hay chính sách tài khoá) mà trọng tâm là thuế và chi tiêu ngân sách nhà nước*; cùng

những ảnh hưởng của chúng đối với việc thúc đẩy CNH, HĐH; ngoài ra, đề tài cũng nghiên cứu nguồn vốn FDI và ODA với tính chất là các nguồn lực quan trọng để thực hiện CNH, HĐH đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới giai đoạn từ 1990 đến nay.

V. Phương pháp nghiên cứu:

Để đạt được mục tiêu đề ra, luận án đã sử dụng lý thuyết và những nhận thức mới về CNH, HĐH; về tài chính và chính sách tài chính đối với sự nghiệp CNH, HĐH trong nền kinh tế hiện đại; đồng thời kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu đã đạt được, kết hợp lý luận với thực tiễn, bám sát đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Mặt khác, đề tài cũng đã sử dụng phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê nin, phương pháp nghiên cứu của Kinh tế Chính trị học, ngoài ra còn sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, mô hình hoá và tham khảo các tài liệu có liên quan.

VI. Đóng góp khoa học của luận án:

1) Làm rõ thêm cơ sở lý luận về CNH, HĐH; về chính sách tài chính và vai trò của nó trong quá trình CNH, HĐH; về tiêu chí đánh giá hiệu quả tác động của chính sách tài chính đối với CNH, HĐH;

2) Phân tích tác động của chính sách tài chính đối với quá trình CNH, HĐH thời gian qua ở Việt Nam; đề xuất những quan điểm làm cơ sở của việc đổi mới, hoàn thiện chính sách tài chính trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, mở cửa, hội nhập;

3) Đưa ra định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính nhằm thúc đẩy quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam trong giai đoạn 2006- 2010.

VI. Kết cấu của luận án:

Ngoài mục lục, lời mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận án bao gồm 3 chương:

Chương 1: *Công nghiệp hóa và vai trò của chính sách tài chính đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa;*

Chương 2: *Tác động của chính sách tài chính đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam;*

Chương 3: *Định hướng và giải pháp cơ bản hoàn thiện chính sách tài chính nhằm thúc đẩy quá trình thực hiện CNH, HĐH ở Việt Nam.*

CHƯƠNG 1:

CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1.1 LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA:

1.1.1 Quan điểm chung về công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

CNH chính là quá trình xây dựng nền công nghiệp hiện đại, cũng tức là quá trình tạo lập nền tảng vật chất - kỹ thuật (lực lượng sản xuất) của phương thức sản xuất mới. CNH không đơn thuần chỉ là quá trình chuyển biến kỹ thuật mà còn là quá trình cải biến thể chế và cấu trúc của nền kinh tế. CNH cũng chính là quá trình cải biến hệ thống thể chế và cơ chế kinh tế, từ nền kinh tế hiện vật - khép kín, tự túc sang nền kinh tế thị trường dựa trên sự phân công lao động xã hội phát triển.

1.1.2 Kinh nghiệm từ một số mô hình công nghiệp hóa của thế giới:

Ngược dòng thời gian, tiến trình CNH trên thế giới đã diễn ra gắn liền với nhiều mô hình CNH. Việc phân tích, đánh giá để rút ra những bài học kinh nghiệm từ những mô hình này là cần thiết cho những quốc gia đang tiến hành CNH, trong đó có Việt Nam. Các mô hình đó bao gồm:

** Mô hình công nghiệp hóa kiểu cổ điển trước thế kỷ XX;*

** Các mô hình công nghiệp hóa trong thế kỷ XX:*

+ Mô hình CNH trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung:

+ Mô hình công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu:

+ Mô hình công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu:

+ Mô hình công nghiệp hóa hỗn hợp:

1.1.3 Những điều kiện thực hiện CNH, HĐH của các nước đang phát triển:

Luận án đã phân tích và chỉ rõ để thực hiện CNH, HĐH ở các nước đang phát triển thì cần có các điều kiện:

1.1.3.1. Huy động và phân bổ nguồn lực.

1.1.3.2. Chuyển giao công nghệ.

1.1.3.3. Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

1.1.3.4. Vai trò của Nhà nước với tính chất là chủ thể của những thể chế và thiết chế xã hội.

1.1.4 Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về thực hiện CNH, HĐH từ khi đổi mới đến nay:

Luận án đã hệ thống hoá lại các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về CNH, HĐH được thể hiện thông qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) đến Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ IX (năm 2001).

Như vậy, quan điểm về CNH, HĐH của Đảng ta đã không ngừng được đổi mới, hoàn thiện, phù hợp với điều kiện và bối cảnh cụ thể trong từng giai đoạn phát triển.

1.1.5 Mô hình công nghiệp hóa của Việt Nam trong điều kiện hội nhập:

1.1.5.1 Đặc trưng cơ bản của mô hình:

Phân tích chiến lược CNH trên thế giới hiện nay, mô hình CNH được áp dụng ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập là: *công nghiệp hóa hỗn hợp và hướng về xuất khẩu.*

1.1.5.2 Phương thức tiến hành công nghiệp hóa:

Thứ nhất, CNH được tiến hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước;

Thứ hai, CNH được tiến hành theo hệ thống kinh tế mở, hướng mạnh về thị trường khu vực và thế giới, vừa tăng cường xuất khẩu vừa thay thế nhập khẩu có hiệu quả;

Thứ ba, CNH được coi là sự nghiệp của toàn dân với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo;

Thứ tư, CNH trên cơ sở phát huy nguồn vốn tích lũy, tiết kiệm từ nội bộ nền kinh tế và nhân dân, thu hút rộng rãi nguồn vốn bên ngoài;

Thứ năm, phải xác định khoa học - công nghệ là động lực là yếu tố quan trọng hàng đầu của CNH, HĐH;

Thứ sáu, CNH, HĐH ngày nay phải gắn tăng trưởng kinh tế với cải thiện đời sống của nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

1.2 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA:

1.2.1 Khái niệm chính sách tài chính quốc gia:

Có rất nhiều cách hiểu khác nhau về chính sách tài chính. Luận án đã đưa ra các quan niệm, quan điểm khác nhau về chính sách tài chính.

Từ các cách hiểu khác nhau, tác giả đã đưa ra khái niệm bao quát nhất của chính sách tài chính quốc gia như sau: *chính sách tài chính quốc gia là một bộ phận cấu thành của chính sách kinh tế; chính sách tài chính quốc gia là chính sách của Nhà nước trong việc huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện phục vụ có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của quốc gia trong từng thời kỳ nhất định.*

1.2.2 Cơ sở hoạch định chính sách tài chính quốc gia:

Thứ nhất, phải dựa trên cơ sở tổng kết hoạt động tài chính và đánh giá thực trạng tình hình kinh tế - tài chính của đất nước thời kỳ trước;

Thứ hai, phải dựa trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tổng thể và các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ;

Thứ ba, phải dựa trên cơ sở lựa chọn hợp lý về phạm vi hoạt động của tài chính;

Thứ tư, phải dựa trên cơ sở phân tích bối cảnh của quốc gia và thế giới, chỉ ra được thời cơ và thách thức cũng như những nguy cơ tiềm ẩn về tài chính - tiền tệ có thể có trong nền kinh tế.

1.2.3 Nội dung của chính sách tài chính quốc gia:

Một là, chính sách phát triển nguồn lực tài chính;

Hai là, chính sách khai thác, động viên nguồn lực tài chính;

Ba là, chính sách phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính.

1.2.4 Chính sách ngân sách nhà nước (chính sách tài khoá):

1.2.4.1 Định nghĩa và cách phân loại:

Chính sách NSNN được quan niệm là chính sách động viên, phân phối và sử dụng các nguồn tài chính được biểu hiện bằng hệ thống các quan điểm, chủ trương và biện pháp tài chính của Nhà nước phù hợp với đặc điểm tình hình đất nước và đường lối phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Trong thực tiễn có nhiều cách khác nhau để tiếp cận chính sách ngân sách (chính sách tài khoá): Một là, dựa vào mặt thời gian; Hai là, dựa vào sự biến động chu kỳ kinh doanh.

1.2.4.2 Mục tiêu của chính sách ngân sách nhà nước:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, hiệu quả và sản lượng cao. *Thứ hai*, tỷ lệ người có công ăn việc làm cao, tỷ lệ thất nghiệp thấp. *Thứ ba*, ổn định giá cả trong điều kiện kinh tế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. *Thứ tư*, ổn định tỷ giá hối đoái và cân bằng xuất nhập khẩu trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

1.2.4.3 Công cụ của chính sách ngân sách nhà nước:

Trong chính sách ngân sách, chính sách thu (chủ yếu là chính sách thuế) và chính sách chi tiêu của chính phủ là hai công cụ được sử dụng chủ yếu. Ngoài ra, tín dụng nhà nước cũng có thể được áp dụng trong trường hợp cần thiết và điều kiện cho phép.

1.2.4.3.1 Chính sách thu ngân sách nhà nước:

a. Khái niệm và đặc điểm thu ngân sách nhà nước:

Thu NSNN là việc Nhà nước dùng quyền lực của mình để tập trung một phần nguồn tài chính quốc gia hình thành quỹ NSNN nhằm thoả mãn các nhu cầu theo chức năng của Nhà nước.

Việc phân loại các khoản thu NSNN có ý nghĩa thiết thực trong việc phân tích, đánh giá và quản lý các nguồn thu NSNN. Có hai cách phân loại phổ biến là:

** Phân loại theo nội dung kinh tế;*

** Phân loại theo yêu cầu động viên vốn vào NSNN.*

c. Nhân tố ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước:

Một là, GDP bình quân đầu người; *hai là*, tỷ suất doanh lợi trong nền kinh tế; *ba là*, tiềm năng đất nước về tài nguyên thiên nhiên; *bốn là*, mức độ trang trải các khoản chi phí của Nhà nước; *năm là*, khả năng huy động các nguồn thu từ bên ngoài; *sáu là*, tổ chức bộ máy thu nộp.

d. Chính sách thuế:

Toàn bộ các quy định, thể chế của Nhà nước về việc thu nộp thuế, miễn, giảm thuế tạo thành chính sách thuế của một nước.

Có thể khái quát ảnh hưởng của thuế đến sự phát triển kinh tế- xã hội trên các khía cạnh tổng quát sau:

- * Thuế là công cụ chủ yếu tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước;
- * Điều tiết và kích thích sự tăng trưởng kinh tế;
- * Điều tiết thu nhập .

1.2.4.3.2. Chính sách chi ngân sách nhà nước:

a. Khái niệm và đặc điểm chi ngân sách nhà nước:

Chi NSNN là việc phân phối và sử dụng quỹ NSNN nhằm bảo đảm thực hiện các chức năng của Nhà nước theo những nguyên tắc nhất định.

Ở đây cần phân biệt hai quá trình trong chi NSNN, bởi nó có ý nghĩa quan trọng trong quản lý NSNN: một là, quá trình phân bổ NSNN; Hai là, quá trình sử dụng NSNN. Chi NSNN chính là sự phối hợp giữa hai quá trình đó.

b. Nội dung chi ngân sách nhà nước và cách phân loại:

Có nhiều tiêu thức để phân loại các khoản chi NSNN theo những mục tiêu quản lý nhất định. Sau đây là một số tiêu thức phân loại chủ yếu:

* Căn cứ vào mục đích chi tiêu, nội dung chi NSNN được chia thành hai nhóm: chi tích lũy và chi tiêu dùng.

* Căn cứ theo yếu tố và phương thức quản lý NSNN, nội dung chi NSNN được chia thành 4 nhóm như sau:

i) Nhóm chi thường xuyên; **ii)** nhóm chi đầu tư phát triển ; **iii)** nhóm chi trả nợ và viện trợ; **iiii)** chi dự trữ

c. Các nhân tố ảnh hưởng đến chi ngân sách nhà nước:

Một là, nhiệm vụ phát triển kinh tế -xã hội và quốc phòng, an ninh của Nhà nước;

Hai là, sự phát triển của lực lượng sản xuất;

Ba là, khả năng tích lũy của nền kinh tế;

Bốn là, mô hình tổ chức bộ máy và hiệu quả hoạt động của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

Ngoài những nhân tố kể trên, nội dung, cơ cấu chi NSNN của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn còn chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác như biến động kinh tế, chính trị, xã hội, giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái...

d. Những nguyên tắc tổ chức chi ngân sách nhà nước:

Nguyên tắc thứ nhất: dựa vào nguồn thu để bố trí các khoản chi.

Nguyên tắc thứ hai: đảm bảo yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả trong việc bố trí các khoản chi tiêu của NSNN.

Nguyên tắc thứ ba: tập trung có trọng điểm.

Nguyên tắc thứ tư: phân biệt rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp chính quyền theo luật định để bố trí các khoản chi cho thích hợp.

Nguyên tắc thứ năm: tổ chức chi NSNN trong sự phối hợp chặt chẽ với chính sách tiền tệ, lãi suất, tỷ giá hối đoái để tạo nên công cụ tổng hợp cùng tác động thuận chiều đến các vấn đề của kinh tế vĩ mô.

1.2.5. Chính sách khai thác, động viên nguồn lực tài chính qua FDI và ODA:

Các nền kinh tế của các nước đang phát triển gặp phải hai khoản thiếu hụt: thiếu hụt về đầu tư và thiếu hụt ngoại tệ. Vốn nước ngoài giúp các nước thực hiện CNH giải quyết hai khoản thiếu hụt này.

Đối với tất cả các nước luôn cần vốn đầu tư. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng trong việc: - Tạo nguồn vốn bổ sung hay phát triển ban đầu cho nền kinh tế của một nước, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trong nước; - Ổn định và tạo đà phát triển kinh tế cho nước đó, cải tạo và hoàn thiện cơ cấu ngành nghề công nghiệp; - Tiếp thu được kinh nghiệm và kỹ năng quản lý kinh tế, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên của đất nước... - Bù đắp vốn thiếu hụt cho đầu tư do khả năng tích lũy vốn trong nước bị giới hạn; - Cải thiện mức thâm hụt ngân sách của Chính phủ; ...

Dòng vốn được tạo ra từ đầu tư trực tiếp nước ngoài rất đa dạng, nhưng chủ yếu là thông qua các hình thức liên doanh và thành lập các công ty 100% vốn nước ngoài. Các nhà nghiên cứu cũng chứng minh rằng vốn FDI chiếm tỷ trọng càng lớn trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội thì tốc độ tăng trưởng GDP càng cao.

Bên cạnh FDI thì nguồn vốn ODA tài trợ cho các nước đang phát triển rất thành công khi thực hiện sự phát triển kinh tế - xã hội. Vai trò chủ yếu của ODA:

Thứ nhất, viện trợ ODA thúc đẩy tăng trưởng, góp phần làm giảm đi đói nghèo, cải thiện các chỉ tiêu xã hội. *Thứ hai*, viện trợ bổ sung cho sự thiếu hụt nguồn vốn đầu tư trong nước nhằm bổ sung nguồn ngoại tệ cho đất nước thực hiện mục tiêu CNH, HĐH.

Nhưng nguồn vốn ODA chỉ phát huy hết tác dụng của nó trong một cơ chế quản lý tốt, một thể chế lành mạnh và một môi trường chính trị ổn định. Nếu không, chẳng những ODA đã không phát huy vai trò của nó mà còn đem lại gánh nặng nợ nần cho các nước đang phát triển.

Việc sử dụng nguồn vốn nước ngoài (FDI và ODA) phục vụ CNH, HĐH ở các nước đang phát triển cần lưu ý:

Một là, sử dụng nguồn vốn nước ngoài phục vụ CNH, HĐH là rất cần thiết đối với các nước đang phát triển. Nhưng nếu sử dụng vốn nước ngoài kém hiệu quả thì nó có thể làm cho các nước đang phát triển không thực hiện được mục tiêu đề ra và càng nghèo thêm.

Hai là, cần phải luôn duy trì được sự thận trọng và tính hiệu quả trong việc huy động và sử dụng vốn vay nước ngoài. Nếu không làm được điều đó thì mức nợ quá cao, sẽ dẫn đến khủng hoảng tài chính, tiền bản tệ mất giá mạnh, vốn bị chuyển ra nước ngoài và cuối cùng bị suy thoái kinh tế.

Chính phủ cần phải quản lý có hiệu quả đối với luồng vốn vay, đặc biệt là vay ngắn hạn. Chính sách quản lý vốn nước ngoài cần phải khuyến khích đầu tư trực tiếp và hạn chế sử dụng vốn vay, đặc biệt là vay ngắn hạn. Cơ chế quản lý và kiểm soát vay nợ không chỉ cần áp dụng đối với nợ của Chính phủ, mà còn cả nợ của khu vực tư nhân.

1.3. VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA:

1.3.1 Huy động nguồn tài chính, đảm bảo nhu cầu vốn cho quá trình CNH, HĐH.

1.3.2 Phân bổ các nguồn lực hợp lý.

1.3.3 Điều chỉnh vĩ mô, ổn định nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1.3.4 Đầu tư của nhà nước có vai trò tạo “môi trường”, tạo nền quyết định việc hình thành cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu của CNH, HĐH.

1.3.5 Chi ngân sách nhà nước góp phần quan trọng vào việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao - nguồn lực quan trọng thúc đẩy quá trình CNH, HĐH.

1.3.6 Kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các nguồn lực để thực hiện CNH, HĐH.

1.4 TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CNH, HĐH:

Tác động của chính sách tài chính đối với quá trình CNH, HĐH được phản ánh khi quá trình thực hiện CNH, HĐH đạt được mục tiêu đề ra.

Có nhiều chỉ số đo mức CNH, trong đó, các chỉ số sau đây thường được sử dụng để đo mức độ CNH cho các nước đang phát triển:

Một là, các chỉ số về cơ cấu ngành kinh tế. *Hai là*, tỷ lệ lao động trong khu vực chế biến và chất lượng lao động. *Ba là*, chỉ tiêu năng suất nhân tố tổng hợp - TFP (Total Factor Productivity). *Bốn là*, các chỉ số phản ánh cơ cấu xuất khẩu. *Năm là*, các chỉ số liên quan đến vai trò của FDI trong nền kinh tế (tỷ trọng trong GDP, sản lượng công nghiệp, xuất khẩu,...).

Điều đáng lưu ý là mức độ CNH cần được so sánh cả theo thời gian và trên bình diện quốc tế. CNH cũng không nên được tư duy như mục tiêu cuối cùng của sự phát triển, mà là một giai đoạn, một quá trình chuyển đổi về chất cần thiết để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của các quốc gia.

Ở Việt Nam hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô nói chung và chính sách tài chính nói riêng với vai trò góp phần thực hiện CNH, HĐH cần hướng vào việc thực hiện một số nội dung chủ yếu nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn lực, phân bổ nguồn lực một cách hợp lý. Đồng thời qua đó, tạo

một bước tiến mới cho sự nghiệp CNH, HĐH; tạo nền tảng và điều kiện cho các bước phát triển tiếp theo.

1.5. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ SỬ DỤNG CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH - KINH TẾ THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC:

1.5.1. Kinh nghiệm của Hàn Quốc.

1.5.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc.

1.5.3. Kinh nghiệm của Malaysia.

1.5.4 . Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam:

Một là, cần xác định mô hình CNH phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; *hai là*, chính phủ sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính - kinh tế, đặc biệt là sự phối hợp có hiệu quả giữa chính sách thuế, chi tiêu NSNN với các công cụ kinh tế khác (lãi suất, tỷ giá, tín dụng ưu đãi...) để đạt được những mục tiêu đề ra trong quá trình CNH, HĐH đất nước; *ba là*, không thể phát triển và thực hiện CNH thành công nếu thiếu những nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, lành mạnh; *bốn là*, tiến trình CNH gắn bó chặt chẽ với chiến lược mở cửa nền kinh tế, nhất là trong trao đổi thương mại nội khu vực (phần quan trọng nhờ FDI và TNCs) và định hướng xuất khẩu với các thị trường phát triển; *năm là*, mục tiêu CNH, HĐH sẽ thành công sớm, nếu bộ máy nhà nước có chất lượng tốt, hiệu quả trong hoạt động quản lý thực tế, trong hoạch định và thực thi chính sách.

Tóm tắt chương 1:

CNH là quá trình xây dựng nền công nghiệp hiện đại và là vấn đề có tính quy luật đối với mọi quốc gia trên con đường phát triển đất nước. Năm bắt được xu thế trên, từ lâu Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ trương thực hiện CNH, xem đây là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Hiện nay, Việt Nam đang đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện mô hình *CNH hỗn hợp và hướng về xuất khẩu*, nhằm sớm đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để thực hiện được nhiệm vụ đó đòi hỏi phải tạo dựng những điều kiện thuận lợi nhằm đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH trong đó: *huy động và phân bổ nguồn lực tài chính; chuyển giao công nghệ; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực; nâng cao vai trò của Nhà nước với tính chất là chủ thể của những thể chế và thiết chế xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.*

Chính sách tài chính quốc gia được coi là bộ phận cấu thành của chính sách kinh tế vĩ mô, nó có vai trò rất quan trọng đối với quá trình CNH, HĐH đất nước. Tuy nhiên, để thực thi chính sách tài chính có hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược đề ra, thì với "lợi thế của người đi sau", Việt Nam phải nhanh chóng tiếp cận với những thành quả của văn minh công nghiệp. Hơn nữa, cần thiết tìm hiểu kinh nghiệm sử dụng các công cụ tài chính - kinh tế trong việc thúc đẩy CNH, HĐH nền kinh tế của một số quốc gia thực hiện thành công quá trình CNH, HĐH đất nước tiêu biểu trên thế giới - Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, để từ đó rút ra được những bài học bổ ích cho Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH nền kinh tế.

CHƯƠNG 2:
TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI
QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

2.1 TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA:

2.1.1 Đặc điểm của hệ thống chính sách thuế hiện hành của Việt Nam:

2.1.1.1 Về cơ cấu của hệ thống thuế.

2.1.1.2. Tính thống nhất của hệ thống thuế:

2.1.1.3. Hệ thống thuế là công cụ kinh tế quan trọng để Nhà nước can thiệp và điều chỉnh các hoạt động kinh tế:

2.1.1.4. Hệ thống thuế hiện hành có mức độ tương thích nhất định với các thông lệ quốc tế:

2.1.2 Tác động của hệ thống chính sách thuế đối với quá trình CNH, HĐH nền kinh tế ở Việt Nam:

2.1.2.1. Thành tựu đạt được:

Một là: *Nguồn thu từ thuế chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu NSNN góp phần đảm bảo nguồn tài chính phục vụ CNH, HĐH đất nước .*

Bảng 2.2: *Thu thuế và phí trong tổng thu ngân sách nhà nước*

Nội dung	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng thu NSNN (tỷ đồng)	103.885	115.250	125.750	142.750	162.365
Thu thuế và phí (tỷ đồng)	99.032	110.170	120.243	136.003	154.368
<i>Tỷ trọng thu thuế và phí trong tổng thu NSNN (%)</i>	95,33	95,59	95,62	95,30	95,07

Nguồn: Thống kê số liệu của Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính qua các năm.

Hai là: *Chính sách thuế được áp dụng thống nhất trong cả nước, không phân biệt thành phần kinh tế đã tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tăng trưởng kinh tế:*

Hệ thống thuế với 10 sắc thuế chủ yếu, ở từng sắc thuế đều có những phạm vi điều chỉnh khác nhau về đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế,... đã tác động đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội.

Sau một số năm áp dụng, hệ thống thuế qua hai lần cải cách đã có những tác động tích cực đối với nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 1990-1995 là 8,2%, điển hình năm 1995 tỷ lệ tăng trưởng đạt tới 9,5% (trong khi giai đoạn năm 1986-1990 chỉ đạt bình quân là 6,4%). Đến giai đoạn 1996-2000, vẫn đạt ở mức xấp xỉ 7%. Tỷ lệ tăng trưởng GDP bình quân trong các năm 2001-2004 đạt 7,26%, năm 2005 đạt 8,44%.

Ba là: Chính sách thuế đã góp phần khuyến khích mạnh mẽ đầu tư:

Với các chính sách định hướng khuyến khích đầu tư, phù hợp với thực tế từng giai đoạn phát triển cụ thể của đất nước, thuế đã có những tác động tích cực trong việc thu hút vốn đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng về đầu tư cũng như về cơ cấu đầu tư.

Bảng 2.3: Cơ cấu nguồn vốn đầu tư 1991 - 2004

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

Nguồn vốn	Giai đoạn 1991-1995		Giai đoạn 1996 - 2000		Giai đoạn 2001 - 2004	
	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ trọng (%)</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ trọng (%)</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ trọng (%)</i>
I. Vốn trong nước	137.305,6	70,95	379.476,7	76,20	705.800	83,65
1.Vốn Nhà nước	70.011,6	36,00	273.704,7	55,00	434.600	51,50
2.DN dân doanh	67.294,0	34,95	105.772,0	21,20	271.200	32,15
II. Vốn FDI	56.232,0	29,05	118.600,0	23,80	138.000	16,35
Tổng Vốn	193.537,6	100,00	498.075,7	100,00	843.800	100,00
Tốc độ tăng so với giai đoạn 1991-1995			Tăng 2,57 lần		Tăng 4,36 lần	

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bốn là: Chính sách thuế đã góp phần khuyến khích xuất khẩu:

Các chính sách thuế theo hướng khuyến khích xuất khẩu trong giai đoạn từ 1999 đến nay đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2004 ước đạt trên 26 tỷ USD, tăng 5 lần so với năm 1995 và 11 lần so với năm 1992. Cơ cấu hàng xuất khẩu cũng đã thay đổi theo chiều hướng tích cực, tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu đã qua chế biến đã tăng từ 32,1% năm 1995 lên khoảng 56% năm 2004. Xuất khẩu bình quân đầu người của nước ta nếu năm 1991 mới đạt 31 USD, năm 1995 mới đạt 75,5 USD thì năm 2004 đạt 315 USD, cao nhất từ trước tới nay. Năm 2004 so với năm 2001, kim ngạch xuất khẩu gấp 12,4 lần, bình quân 1 năm tăng 21,4%.

Năm là: Chính sách thuế đã góp phần bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng CNH, HĐH:

Chính sách bảo hộ sản xuất trong nước thể hiện rõ trong từng sắc thuế, phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Thông qua việc quy định 3 loại thuế suất thuế nhập khẩu khác nhau: thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu đãi đặc biệt và thuế suất thông thường để áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu từ các thị trường khác nhau; đánh thuế nhập khẩu cao đối với tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng nhập khẩu mà trong nước đã sản xuất được và hàng hoá xa xỉ, cao cấp; duy trì áp dụng mức thuế suất nhập khẩu thấp đối với vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất trong nước; thu thuế nhập khẩu bổ sung trong trường hợp phía nước ngoài bán phá giá, trợ giá hoặc phân biệt đối xử đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam làm nguy hại cho sản xuất trong nước. Ngoài ra, còn áp dụng biện pháp bảo hộ có trọng điểm, có thời hạn, phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế.

Sáu là: Chính sách thuế đã góp phần thúc đẩy phân công lao động xã hội, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH:

Bảng 2.4: Tốc độ tăng và cơ cấu GDP

Đơn vị tính: (%).

Năm	Tốc độ tăng (tính theo giá so sánh)				Cơ cấu (tính theo giá thực tế)			
	Tổng số	Nông LN – thủy sản	CN – xây dựng	Dịch vụ	Tổng số	Nông LN – thủy sản	CN – xây dựng	Dịch vụ
2001	6,89	2,98	10,39	6,10	100,00	23,25	38,12	38,63
2002	7,04	4,16	9,48	6,54	100,00	22,99	38,55	38,46
2003	7,24	3,60	10,15	6,45	100,00	22,54	39,46	38,00
2004	7,50	4,36	10,21	7,26	100,00	21,81	40,21	37,98
2005	8,44	4,00	10,64	8,50	100,00	20,89	41,03	38,08

Nguồn: Thời báo Kinh tế Việt Nam: Kinh tế Việt Nam và thế giới 2005 – 2006.

Bảy là: Chính sách thuế đã góp phần cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế theo hướng CNH, HĐH:

Bảng 2.5: Tốc độ tăng GDP giai đoạn 1991 – 2005

Đơn vị tính: %.

Năm	Tăng GDP/năm	Năm	Tăng GDP/năm	Năm	Tăng GDP/năm
1991	5,81	1996	9,34	2001	6,89
1992	8,70	1997	8,15	2002	7,04
1993	8,08	1998	5,76	2003	7,24
1994	8,83	1999	4,77	2004	7,50
1995	9,54	2000	6,79	2005	8,44
1991- 1995	9,20	1996-2000	7,00	2001-2005	7,50

Nguồn: Số liệu thống kê qua các năm, Tổng cục Thống kê.

2.1.2.2. Những tồn tại hạn chế và vấn đề đặt ra trong chính sách thuế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

Một là, chính sách thuế chưa bao quát hết đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế và các nguồn thu phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập:

Hai là, trong hệ thống chính sách thuế, một số quy định còn chưa hợp lý dẫn đến hạn chế đầu tư của các chủ thể kinh tế trong việc thực hiện CDCCKT theo hướng CNH, HĐH.

Ba là, chính sách thuế hiện hành còn bảo hộ cho khu vực FDI có sản phẩm tiêu thụ trên thị trường nội địa:

Bốn là, chính thuế chưa thực sự đảm bảo bình đẳng, công bằng xã hội về nghĩa vụ thuế, còn có sự phân biệt về thuế suất, điều kiện ưu đãi miễn, giảm thuế, về diện đối tượng chịu thuế... giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài;

Năm là, chính sách thuế còn lồng ghép nhiều chính sách xã hội, làm cho nội dung chính sách phức tạp, làm giảm hiệu lực của thuế trong thúc đẩy tiến trình thực hiện CNH, HĐH;

Sáu là, chính sách thuế còn có những quy định chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, từ đó làm giảm hiệu lực khuyến khích thu hút nguồn lực từ bên ngoài để có thêm nguồn thu thực hiện CNH, HĐH.

2.2. TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN CNH, HĐH:

2.2.1 Những tác động tích cực:

2.2.1.1 Chi Ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển đã tạo đà cho nền kinh tế tăng trưởng cao, góp phần đẩy mạnh CNH, HĐH:

Có thể thấy chi NSNN cho đầu tư phát triển không chỉ tăng về giá trị tuyệt đối theo các năm, mà tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với tổng chi NSNN đã tăng ở mức đáng kể. Điều này được thể hiện trong *bảng 2.6* dưới đây.

Bảng 2.6: Cơ cấu chi đầu tư phát triển trong tổng chi NSNN và GDP

	1991	1996	2000	2002	2003	2004
GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	76.707	272.036	444.160	536.098	613.442	713.072
Tổng chi NSNN (tỷ đồng)	12.081	70.111	108.916	148.208	176.488	219.547
Chi/ GDP (%)	15,75	25,77	24,53	27,60	28,80	30,80
Chi đầu tư phát triển	2.135	16.479	29.624	45.218	54.934	66.200
Chi ĐTPT/ Tổng chi NSNN (%)	17,7	23,5	27,2	30,5	31,0	30,2
Chi ĐTPT/ GDP (%)	2,8	6,1	6,7	8,4	9,0	9,3

Nguồn: Báo cáo quyết toán ngân sách trình Quốc hội qua các năm.

Bảng 2.7: Vốn đầu tư phát triển phân theo ngành kinh tế

Đơn vị tính: tỷ đồng.

Năm	Nông lâm nghiệp - thủy sản		Công nghiệp - xây dựng		Dịch vụ		Tổng số vốn đầu tư phát triển
	Tổng số vốn	Tỷ trọng (%)	Tổng số vốn	Tỷ trọng (%)	Tổng số vốn	Tỷ trọng (%)	
1997	14.199,2	13,1	36.702,0	33,9	57.468,8	53,0	108.370,0
1998	14.970,3	12,8	41.668,4	35,6	60.495,3	51,6	117.134,0
1999	18.556,0	14,1	48.509,0	37,0	64.105,9	48,9	131.170,9
2000	20.933,7	13,8	59.305,6	39,2	70.943,7	47,0	151.183,0
2001	16.414,8	9,5	72.249,0	42,4	81.832,2	48,1	170.496,0
2002	17.448,1	8,8	84.294,0	42,3	97.362,4	48,9	199.104,5
2003	19.575,5	8,5	95.643,6	41,3	116.397,1	50,2	231.616,2
2004	23.300,0	8,5	143.800,0	52,3	107.900,0	39,2	275.000,0

Nguồn: Thời báo Kinh tế Việt Nam: Kinh tế Việt Nam và thế giới 2005 – 2006.

2.2.1.2 Đổi mới cơ cấu chi thường xuyên trong NSNN đã góp phần mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ công và cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao nhằm thúc đẩy quá trình thực hiện CNH, HĐH:

2.2.2. Một số vấn đề tồn tại hạn chế:

2.2.2.1 Đầu tư từ NSNN còn bất hợp lý về cơ cấu, hiệu quả đầu tư thấp làm ảnh hưởng đến quá trình CNH, HĐH:

Chủ trương đầu tư chưa đúng và chưa gắn với định hướng CNH, HĐH; chi đầu tư phát triển còn dàn trải, thiếu tập trung dứt điểm, lãng phí thất thoát còn lớn, hiệu quả thấp; cơ cấu đầu tư còn chưa hợp lý, chưa gắn với CDCCKT theo hướng CNH, HĐH.

2.2.2.2 Tốc độ tăng chi đầu tư phát triển còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu CNH, HĐH:

Bảng 2.9: Cơ cấu chi ngân sách nhà nước

Đơn vị : Nghìn tỷ đồng

Nội dung	2003	2004	2005
Tổng số chi	186,6	219,6	250,7
Chi đầu tư phát triển	59,6	62,9	70,7
Chi ĐTPT/ Tổng chi NSNN	31,94 %	28,64%	28,2%
Chi thường xuyên	95,6	110,5	123,1
Chi thường xuyên/ Tổng chi NSNN	51,23 %	50,32%	49,1%

Nguồn: Báo cáo kế hoạch chi tiêu và tài chính trung hạn giai đoạn 2006-2008, Bộ Tài chính

2.3 TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỘNG VIÊN NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH THÔNG QUA FDI VÀ ODA:

2.3.1 Những thành tựu đạt được:

*** Về huy động nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức ODA:**

Bảng 2.10: Tình hình cam kết và giải ngân vốn ODA giai đoạn 2001-2005

Đơn vị: Triệu USD

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2001-2005
Cam kết	2.400	2.600	2.839	3.441	3.747	15.027
Giải ngân	1.500	1.550	1.422	1.600	1.723	7.795

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

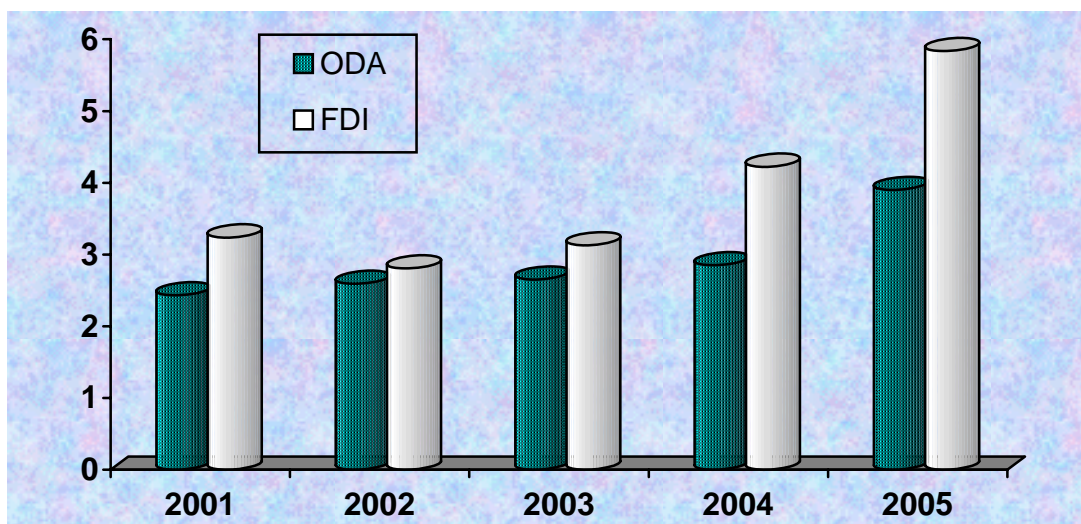
Về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài:

Bảng 2.11: Tình hình thực hiện FDI giai đoạn 2001- 2005

Đơn vị: Triệu USD

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2001-2005
FDI thực hiện	2.430	2.591	2.651	2.850	3.900	14.422
FDI đăng ký	3.236	2.805	3.128	4.222	5.835	19.226

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư



Biểu đồ 2.4: Tình hình thu hút FDI và ODA giai đoạn 2001-2005

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

2.3.2. Những yếu kém, tồn tại:

Chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài còn nhiều hạn chế và bất cập. Cơ chế, chính sách tài chính trong việc huy động và khai thác vốn đầu tư nước ngoài chậm được đổi mới so với nhiều nước trong khu vực. Nhiều rào cản về thủ tục đầu tư thuê đất v.v... chưa được dỡ bỏ kịp thời; các chính sách có liên quan tới hoạt động thu hút FDI chưa nhất quán và thường xuyên thay đổi; các chính sách về thủ tục, giải ngân vốn ODA còn nhiều vướng mắc nên đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Trên thực tế vẫn xảy ra những hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài giữa các địa phương. Điều đó đã tạo ra môi trường đầu tư không thống nhất, thiếu minh bạch, làm hạn chế dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam. Thêm vào đó, thủ tục giải ngân vốn ODA còn chậm và chưa tuân thủ theo những chuẩn mực và thông lệ quốc tế là một trong nguyên nhân sử dụng nguồn vốn này kém hiệu quả.

Bên cạnh đó, còn nhiều kênh huy động vốn đầu tư gián tiếp bên ngoài chưa được huy động và khai thác theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do:

- Môi trường đầu tư còn chưa ổn định và thiếu nhất quán, gây tác động bất ổn tới tâm lý của các nhà đầu tư nước ngoài.

- Quy hoạch và phân bổ sử dụng vốn ODA còn bất cập; chậm trễ trong quá trình giải ngân đã làm giảm hiệu quả sử dụng ODA và lòng tin của các nhà tài trợ; việc thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý ODA chưa nghiêm.

2.4 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA:

2.4.1 Những thành công:

- 2.4.1.1. Chính sách tài chính đã trở thành công cụ quan trọng của Đảng, Nhà nước thực hiện ổn định kinh tế vĩ mô, khuyến khích đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện CNH, HĐH đất nước:
- 2.4.1.2. Tăng cường tiềm lực tài chính Nhà nước, tích cực chuyển đổi cơ cấu NSNN, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra
- 2.4.1.3 Thực hiện chính sách tài chính khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh, chủ động hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH đất nước
- 2.4.1.4. Chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục và khoa học công nghệ đã tăng nhanh và chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi của NSNN
- 2.4.1.5. Chính sách tài chính góp phần thúc đẩy nền kinh tế chủ động hội nhập quốc tế đã đạt nhiều kết quả quan trọng
- 2.4.1.6. Công tác thanh tra, kiểm tra, đấu tranh phòng, chống lãng phí, tham nhũng, tăng hiệu quả sử dụng ngân sách, tài sản công để đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH đã đạt được những kết quả nhất định

2.4.2. Những vấn đề tồn tại hạn chế:

- 2.4.2.1 Chính sách tài chính thiếu đồng bộ, hạn chế trong việc tạo tiền đề cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- 2.4.2.2 Việc sử dụng các nguồn lực phát triển còn lãng phí, phân tán, hiệu quả chưa cao
- 2.4.2.3 Chính sách tài chính chưa tạo đủ nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo yêu cầu của CNH
- 2.4.2.4 Chính sách tài chính đối ngoại cũng còn một số vấn đề bất cập đã làm hạn chế việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ bên ngoài.
- 2.4.2.5 Chính sách tài chính còn nhiều bất cập trong việc khơi thông các nguồn lực tài chính trong dân.
- 2.4.2.6 Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, tính dàn trải trong chi đầu tư chưa được khắc phục; hiệu quả đầu tư còn thấp, thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng đất đai, quản lý vốn ĐTXDCB còn nghiêm trọng, đầu tư của Nhà nước chiếm tỷ trọng cao nhưng mức đóng góp vào tăng trưởng thấp...

2.4.3 Nguyên nhân của thành công và tồn tại hạn chế nói trên:

2.4.3.1 Nguyên nhân của thành công:

Thứ nhất, nguyên nhân bao trùm của sự thành công là sự đúng đắn của đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng từ Đại hội VI và được các Đại hội Đảng VII, VIII và Đại hội Đảng lần thứ IX phát triển và hoàn thiện;

Thứ hai, sự xác lập, định hướng và lựa chọn mô hình CNH đúng;

Thứ ba, chính sách tài chính luôn được bổ sung, đổi mới và hoàn thiện;

Thứ tư, chú trọng đúng mức vào việc phát triển nhân tố con người.

2.4.3.2 Những nguyên nhân của tồn tại hạn chế:

Thứ nhất, do xuất phát điểm của nền kinh tế nước ta thấp, tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư so với GDP chưa cao;

Thứ hai, chính sách tài chính quốc gia có tính chiến lược chậm được ban hành để có phương hướng đổi mới và hoàn thiện các chính sách tài chính cụ thể phục vụ cho yêu cầu của CNH, HĐH;

Thứ ba, sự phối kết hợp của chính sách tài chính với các chính sách, công cụ kinh tế khác và chính sách xã hội chưa chặt chẽ. Từ đó làm cản trở sự tác động tích cực của chính sách tài chính đến quá trình thực hiện CNH, HĐH, tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Tóm tắt chương 2:

Thông qua việc phân tích, đánh giá thực trạng tác động của chính sách tài chính quốc gia đối với quá trình CNH trong thời gian qua - nhất là 5 năm trở lại đây, có thể khẳng định chính sách tài chính quốc gia của Việt Nam đã hoàn thành khá toàn diện các mục tiêu đề ra: về thực hiện nhiệm vụ động viên ngân sách; về phát triển quy mô và cơ cấu lại ngân sách; đảm bảo các cân đối lớn vĩ mô quan trọng, đảm bảo các nguồn vốn thực hiện đầu tư phát triển, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, phát triển các vùng khó khăn, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước, an ninh tài chính quốc gia; cơ chế chính sách tài chính tiếp tục được đổi mới, các thể chế, định chế tài chính mới phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và xu hướng hội nhập quốc tế; chính sách động viên và phân phối tài chính đã phát huy vai trò tích cực định hướng và thúc đẩy phát triển kinh tế, phát triển nguồn lực con người để đáp ứng yêu cầu thực hiện CNH, HĐH đất nước. Bên cạnh những kết quả, thành công đã đạt được, chính sách tài chính quốc gia cũng bộc lộ những tồn tại hạn chế: sự đổi mới về tư tưởng, nhận thức ở nhiều ngành, nhiều cấp trong một số hoạt động tài chính còn chậm; chấp hành kỷ luật, kỷ cương về tài chính - ngân sách còn chưa nghiêm, thất thoát, lãng phí còn xảy ra lớn ở nhiều nơi.v.v. Những tồn tại yếu kém này có nguyên nhân sâu xa từ sự yếu kém của nền kinh tế nước ta với xuất phát thấp; tỷ lệ tiết kiệm, huy động vốn đầu tư so với GDP chưa cao; mặt khác còn do sự phối hợp chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ giữa chính sách tài chính với các chính sách kinh tế - xã hội khác và nhất là còn thiếu một chiến lược về chính sách tài chính quốc gia dài hạn. Đây đang là những lực cản đối với quá trình huy động, phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính để thực hiện CNH, HĐH cần sớm được khắc phục nhằm đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

CHƯƠNG 3:
ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH
TÀI CHÍNH NHẪM THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

3.1. NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM
ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH GIAI
ĐOẠN 2006 - 2010:

Những thành tựu to lớn và quan trọng đạt được sau 20 năm đổi mới, đã làm tăng thế và lực của nước ta. Tuy nhiên, bước vào giai đoạn phát triển tới, sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy CNH, HĐH đất nước đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới đặt ra cho chính sách tài chính quốc gia.

** Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 2006-2010:*

Thực hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng phát triển, CDCCKT, cơ cấu lao động, phát triển và từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đẩy mạnh CNH, HĐH và phát triển kinh tế tri thức tạo nền tảng để vào năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Chủ động hội nhập quốc tế, đảm bảo tự chủ về kinh tế - tài chính trong điều kiện toàn cầu hoá; phát triển văn hoá - xã hội đồng bộ với tăng trưởng kinh tế; thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

3.2 NHỮNG MỤC TIÊU VỀ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH ĐẶT RA ĐỂ THỰC HIỆN
CNH, HĐH HIỆN NAY VÀ TRONG THỜI GIAN TỚI Ở VIỆT NAM:

3.2.1 Mục tiêu tổng quát:

3.2.2 Mục tiêu cụ thể:

3.3 QUAN ĐIỂM CƠ BẢN SỬ DỤNG CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH NHẪM THỰC
HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA:

***Quan điểm 1:** Khai thác có hiệu quả các nguồn tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho việc thực hiện CNH, HĐH.*

***Quan điểm 2:** Phân bổ nguồn lực tài chính có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả của chi NSNN thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước.*

***Quan điểm 3:** Chính sách tài chính góp phần tạo môi trường kinh tế ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện CNH, HĐH.*

***Quan điểm 4:** Coi trọng các giải pháp tài chính tác động tích cực đến nhân tố con người - động lực quan trọng nhất trong CNH, HĐH.*

3.4. ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỂ THÚC ĐẨY CNH, HĐH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ TRONG THỜI GIAN TỚI:

3.4.1 Đổi mới và hoàn thiện chính sách thuế :

3.4.1.1 Những định hướng cơ bản trong hoàn thiện hệ thống chính sách thuế đến 2010:

Một là, thuế phải thực sự trở thành đòn bẩy khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, khuyến khích đầu tư, khuyến khích xuất khẩu nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

Hai là, thuế phải tạo được nguồn thu vững chắc, lâu bền cho NSNN, từ đó tạo nguồn lực tài chính vững chắc cho việc thực hiện CDCCKT theo hướng CNH, HĐH.

Ba là, thuế phải công bằng, công khai, minh bạch nhằm tạo động lực khuyến khích mọi chủ thể tích cực bỏ vốn đầu tư, góp phần thực hiện mục tiêu CNH, HĐH đất nước.

Bốn là, hoàn thiện chính sách thuế phù hợp với xu hướng hội nhập, phục vụ phát triển kinh tế theo hướng CNH, HĐH nhanh, hiệu quả, bền vững.

3.4.1.2 Mục tiêu xây dựng chính sách thuế ở nước ta đến 2010 :

- Mục tiêu chiến lược
- Mục tiêu cụ thể

3.4.1.3 Giải pháp cơ bản nhằm đổi mới và hoàn thiện chính sách thuế:

Để khắc phục những tồn tại của hệ thống thuế hiện hành và đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ của đất nước trong giai đoạn tới, hướng đổi mới, hoàn thiện từng sắc thuế nhằm phục vụ tốt yêu cầu CNH, HĐH.

3.4.1.4. Đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý thuế.

3.4.1.5 Tiên đề và điều kiện để đổi mới và hoàn thiện chính sách thuế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, thực hiện CNH, HĐH.

3.4.2 Đổi mới và hoàn thiện chính sách tài chính phục vụ CNH, HĐH đất nước:

3.4.2.1 Điều kiện, tiên đề và những yêu cầu chung của CNH đối với chính sách tài chính:

Một là, đảm bảo có sự ổn định chính trị - xã hội;

Hai là, tạo nguồn vốn tích lũy;

Ba là, tài chính phải bảo đảm đủ nguồn lực để làm tốt công tác điều tra cơ bản, xác định đúng tình hình kinh tế- xã hội của đất nước;

Bốn là, ưu tiên bố trí đủ kinh phí để đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề;

Năm là, chính sách chi ngân sách phải đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ;

Sáu là, nâng cao chất lượng và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại;

Bảy là, xây dựng kết cấu hạ tầng phù hợp với yêu cầu của quá trình CNH, HĐH.

3.4.2.2 Định hướng chung :

Một là, khai thác cao độ các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện CNH, HĐH đất nước;

Hai là, phân phối hợp lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính;

Ba là, mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động tài chính đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính, nhằm củng cố và phát triển nền tài chính quốc gia phục vụ đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước;

Bốn là, nâng cao năng lực và hiệu quả giám sát việc thực thi các chính sách huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính quốc gia nhằm phục vụ CNH, HĐH có hiệu quả.

3.4.2.3 Những giải pháp cơ bản góp phần hoàn thiện chính sách tài chính nhằm đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

Giải pháp thứ nhất: *Tăng cường động viên các nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển phục vụ CNH, HĐH đất nước;*

Giải pháp thứ hai: *Cơ cấu lại chi NSNN theo hướng vừa tăng tốc độ chi đầu tư phát triển, vừa tăng tốc độ chi thường xuyên theo nguyên tắc tốc độ tăng chi đầu tư phát triển phải nhanh hơn tốc độ tăng chi thường xuyên;*

Giải pháp thứ ba: *Nâng cao hiệu lực, hiệu quả phân bổ các nguồn tài chính để đẩy mạnh thực hiện CDCCKT đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH;*

Giải pháp thứ tư: *Đổi mới chi đầu tư phát triển của NSNN theo nguyên tắc tập trung dứt điểm, có trọng điểm, có hiệu quả cao hướng vào các mục tiêu chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế, thúc đẩy CNH, HĐH;*

Giải pháp thứ năm: *Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý tài chính phù hợp với mô hình kinh tế thị trường, đảm bảo sự điều hành thống nhất và quản lý chặt chẽ nền tài chính quốc gia.*

Tóm tắt chương 3:

Trên cơ sở quán triệt nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010, luận án đã đưa ra được mục tiêu tổng quát và cụ thể về tài chính - ngân sách cho việc thực hiện CNH, HĐH hiện nay và trong thời gian tới. Để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước, thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, luận án cho rằng cần phải đổi mới, hoàn thiện hơn nữa chính sách tài chính quốc gia trên cả ba phương diện: từ *quan điểm nhận thức; đến định hướng mục tiêu; và lựa chọn các giải pháp tài chính thích hợp*. Hệ thống mục tiêu, quan điểm, định hướng và giải pháp đã được trình bày ở trên là một chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Với việc thực hiện đồng bộ hệ thống này sẽ góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện chính sách tài chính quốc gia, thúc đẩy tiến trình CNH, HĐH đất nước phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay - mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế.

KẾT LUẬN

1. CNH là quá trình xây dựng nền công nghiệp hiện đại, cũng tức là quá trình tạo lập nền tảng vật chất - kỹ thuật cho phương thức sản xuất mới; và là vấn đề có tính quy luật đối với mọi quốc gia trên con đường phát triển đất nước. Nắm bắt được xu thế trên, từ lâu Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ trương thực hiện CNH, HĐH nền kinh tế, xem đây là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Hiện nay, Việt Nam đang đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện mô hình *CNH hỗn hợp và hướng về xuất khẩu*, nhằm sớm đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, đòi hỏi phải tạo dựng những điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH, trong đó: *huy động và phân bổ nguồn lực tài chính; chuyển giao công nghệ; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực; nâng cao vai trò của Nhà nước với tính chất là chủ thể của những thể chế và thiết chế xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.*

2. Chính sách tài chính quốc gia được coi là bộ phận cấu thành của chính sách kinh tế vĩ mô, có vai trò rất quan trọng đối với quá trình CNH, HĐH, quá trình phát triển kinh tế. Chính sách tài chính quốc gia đã được nhiều nước sử dụng thành công trong quá trình CNH, HĐH nền kinh tế. Qua nghiên cứu kinh nghiệm về sử dụng các công cụ tài chính - kinh tế trong việc thúc đẩy CNH, HĐH đất nước của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới - Hàn Quốc, Trung Quốc và Malaysia, có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm bổ ích mà Việt Nam cần tham khảo trên con đường đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước mình. Đó là: (1). Cần xác định mô hình CNH phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; (2). Sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính - kinh tế, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách thuế, chi tiêu NSNN với các công cụ kinh tế khác (lãi suất, tỷ giá, tín dụng ưu đãi...) trong quá trình CNH, HĐH đất nước; (3). CNH không thể thành công nếu thiếu những nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, lành mạnh; (4). Tiến trình CNH gắn bó chặt chẽ với chiến lược mở cửa nền kinh tế; (5). Mục tiêu CNH, HĐH sẽ sớm thành công, nếu bộ máy nhà nước có chất lượng tốt, hiệu quả trong hoạt động quản lý thực tế, trong hoạch định và thực thi chính sách.

3. Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận cơ bản về chính sách tài chính, làm cơ sở cho việc triển khai nghiên cứu chính sách tài chính phục vụ CNH, HĐH ở Việt Nam, luận án đã đưa ra quan niệm mới về chính sách tài chính quốc gia, nội dung của chính sách tài chính quốc gia, đặc biệt đã phân tích làm rõ vai trò quan trọng của chính sách tài chính đối với CNH, HĐH: (1). Huy động nguồn tài chính, đảm bảo nhu cầu vốn cho quá

trình CNH, HĐH; (2). Phân bổ các nguồn lực hợp lý theo yêu cầu CNH, HĐH; (3). Điều chỉnh vĩ mô, ổn định nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, thực hiện CNH, HĐH; (4). Đầu tư của Nhà nước có vai trò tạo “môi”, tạo nền quyết định việc hình thành cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu của CNH, HĐH; (5). Chi NSNN góp phần quan trọng vào việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao - nguồn lực quan trọng thúc đẩy quá trình CNH, HĐH; (6). Kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc thực hiện CNH, HĐH. Luận án cũng đã đưa ra được tiêu chí đánh giá hiệu quả tác động của chính sách tài chính đối với quá trình CNH, HĐH.

4. Trong thời gian qua - nhất là 5 năm trở lại đây, chính sách tài chính của Việt Nam có vị trí đặc biệt quan trọng đối với quá trình CNH, HĐH, quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Từ phân tích, đánh giá thực trạng tác động của chính sách tài chính quốc gia đối với quá trình CNH, có thể khẳng định rằng chính sách tài chính quốc gia thời gian qua đã hoàn thành khá toàn diện các mục tiêu đề ra: (1). Về thực hiện nhiệm vụ động viên ngân sách; (2). Về phát triển quy mô và cơ cấu lại ngân sách; (3). Đảm bảo các cân đối lớn vĩ mô quan trọng, đảm bảo các nguồn vốn thực hiện đầu tư phát triển, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, phát triển các vùng khó khăn, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước, an ninh tài chính quốc gia; (4). Cơ chế chính sách tài chính tiếp tục được đổi mới, phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và xu hướng hội nhập quốc tế; (5). Chính sách động viên và phân phối tài chính đã phát huy vai trò tích cực định hướng và thúc đẩy phát triển kinh tế, phát triển nguồn lực con người để đáp ứng yêu cầu thực hiện CNH, HĐH đất nước. Bên cạnh những thành công, kết quả đạt được, chính sách tài chính quốc gia cũng bộc lộ những tồn tại hạn chế: (1). Sự đổi mới về tư tưởng, nhận thức ở nhiều ngành, nhiều cấp trong một số hoạt động tài chính còn chậm; (2). Chấp hành kỷ luật, kỷ cương về tài chính - ngân sách còn chưa nghiêm, thất thoát, lãng phí còn xảy ra lớn ở nhiều nơi, v.v. Những tồn tại yếu kém này có nguyên nhân sâu xa từ sự yếu kém của nền kinh tế nước ta với xuất phát thấp; tỷ lệ tiết kiệm, huy động vốn đầu tư so với GDP chưa cao; mặt khác còn do sự phối hợp chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ giữa chính sách tài chính với các chính sách kinh tế - xã hội khác và nhất là còn thiếu một chiến lược về chính sách tài chính quốc gia dài hạn. Đây đang là những lực cản đối với quá trình huy động, phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính để thực hiện CNH, HĐH cần sớm được khắc phục.

5. Trên cơ sở quán triệt nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010, luận án đã đề xuất, kiến nghị mục tiêu về tài chính - ngân sách để thực hiện CNH, HĐH trong thời gian tới. Để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước, thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, luận án cho

rằng cần phải đổi mới, hoàn thiện hơn nữa chính sách tài chính quốc gia trên cả 3 phương diện:

Một là, về quan điểm nhận thức: (1). Khai thác có hiệu quả các nguồn tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho việc thực hiện CNH, HĐH; (2). Phân bổ nguồn lực tài chính có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả của chi NSNN; (3). Chính sách tài chính góp phần tạo môi trường kinh tế ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện CNH, HĐH; (4). coi trọng các giải pháp tài chính tác động tích cực đến nhân tố con người - động lực quan trọng nhất trong quá trình thực hiện CNH, HĐH đất nước.

Hai là, về định hướng mục tiêu: (1). Khai thác cao độ các nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện CNH, HĐH đất nước; (2). Phân phối hợp lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính; (3). Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động tài chính đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế về tài chính nhằm củng cố và phát triển nền tài chính quốc gia phục vụ đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước; (4). Nâng cao năng lực và hiệu quả giám sát việc thực thi các chính sách huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính quốc gia nhằm phục vụ CNH, HĐH có hiệu quả.

Ba là, về lựa chọn các giải pháp tài chính thích hợp: (1). Tăng cường động viên các nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển phục vụ CNH, HĐH đất nước; (2) Cơ cấu lại chi NSNN theo hướng vừa tăng tốc độ chi đầu tư phát triển, vừa tăng tốc độ chi thường xuyên theo nguyên tắc tốc độ tăng chi đầu tư phát triển phải nhanh hơn tốc độ tăng chi thường xuyên; (3). Nâng cao hiệu lực, hiệu quả phân bổ các nguồn tài chính để đẩy mạnh thực hiện CDCCKT đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH; (4). Đổi mới chi đầu tư phát triển của NSNN theo nguyên tắc tập trung dứt điểm, có trọng điểm, có hiệu quả cao hướng vào các mục tiêu chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế, thúc đẩy CNH, HĐH; (5). Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý tài chính phù hợp với mô hình kinh tế thị trường, đảm bảo sự điều hành thống nhất và quản lý chặt chẽ nền tài chính quốc gia.

Chính sách tài chính quốc gia có phạm vi và mức độ ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đến tiến trình thực hiện CNH, HĐH. Do đó, với những kết quả nghiên cứu mà luận án đạt được mới chỉ là bước đầu. Hoàn thiện chính sách tài chính góp phần thúc đẩy CNH, HĐH đất nước trong giai đoạn hiện nay cần phải được tiếp tục nghiên cứu ở các khía cạnh và phạm vi khác./.